

DOI:10.22144/jvn.2017.647

HIỆU QUẢ TỪ PHONG TRÀO NÔNG DÂN THI ĐUA SẢN XUẤT KINH DOANH GIỎI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIỒNG RIỀNG - TỈNH KIÊN GIANG

Phạm Ngọc Nhân và Trương Thanh Danh

Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 05/12/2016

Ngày chấp nhận: 27/02/2017

Title:

The efficiency of farmers' competition movement of effective production and business in Giong Rieng district, Kien Giang province

Từ khóa:

Danh hiệu, nông dân, phong trào, thi đua sản xuất

Keywords:

Competition of effective production, farmer, identifier, movement

ABSTRACT

In 1989, Vietnam Farmers' Union launched a farmer competition movement of effective production and business which is aimed to enhance farmers' efficiency in their production and business. This community movement has attracted widespread participations of officers, union members, and farmers throughout the country. It contributes to socio-economic development in rural areas in different ways, such as reducing poverty, increasing the number of medium-income households, creating more jobs and improving the living standards for thousands of households. This study is focused on the households with and without awards in the movement in Giong Rieng district, Kien Giang province to analyse the differences between the two groups as well as the factors affecting the movement's outcomes by binary logistic regression method. The results showed that incomes of the two groups are significantly different. Some main factors helping farmers achieve the awards include farmers' participation in the Union, farm size for production and their education level. Promoting propagation and providing farmers with more chances to participate in the Farmers' Union are possible solutions to improve the efficiency and effectiveness of this movement.

TÓM TẮT

Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi do Hội Nông dân Việt Nam phát động từ năm 1989 đã phát triển trở thành phong trào quần chúng sâu rộng, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tăng thêm hộ nông dân khá, giàu, tạo thêm việc làm và cải thiện đời sống cho hàng ngàn hộ nông dân. Nghiên cứu này đã tập trung vào các hộ nông dân đạt danh hiệu và không đạt danh hiệu trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang để tìm hiểu sự khác nhau giữa hai nhóm và các yếu tố ảnh hưởng đến đạt danh hiệu của nông dân trong phong trào thông qua mô hình hồi qui Bynary Logistic. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thu nhập trung bình giữa nhóm nông dân đạt danh hiệu với nhóm nông dân không đạt danh hiệu khác biệt có ý nghĩa thống kê (Sig. = 0,00 < 0,05). Đạt danh hiệu của nông dân chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi yếu tố Nông dân có tham gia Hội Nông dân (Beta = 2,892), thứ hai là yếu tố Diện tích đất sản xuất (Beta = 0,516) và cuối cùng là trình độ học vấn (Beta = 0,489). Đẩy mạnh việc tuyên truyền, tạo điều kiện để nông dân tham gia vào Hội Nông dân là giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả của phong trào này.

Trích dẫn: Phạm Ngọc Nhân và Trương Thanh Danh, 2017. Hiệu quả từ phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi trên địa bàn huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 48c: 70-77.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi đã và đang phát triển mạnh mẽ ở các

tỉnh trong cả nước. Qua bốn lần tổng kết, biểu dương, khen thưởng phong trào (5 năm tổng kết 1 lần) toàn quốc có 4,24 triệu hộ đạt chuẩn nông dân

sản xuất kinh doanh giỏi các cấp vào năm 2011, từ phong trào này đã có nhiều nông dân tiêu biểu dám nghĩ, dám làm, đạt những thành công nhất định, giá trị đóng góp rất lớn cho nền nông nghiệp của Việt Nam. Phong trào chính thức đổi tên thành “Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi giúp nhau giảm nghèo bền vững” từ Đại hội VI, nhiệm kỳ 2013 - 2018 của Hội Nông dân Việt Nam. Đối với Hội Nông dân tỉnh Kiên Giang, nhằm thực hiện các Chủ trương, Nghị quyết của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về “Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi giúp nhau giảm nghèo bền vững” Hội Nông dân tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy, đề xuất với Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh có những Chỉ thị, Nghị quyết, chương trình thực hiện nội dung phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đặc biệt là xây dựng Chỉ thị số 13-CT/TU, ngày 14 tháng 5 năm 2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo chỉ đạo phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng của kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong giữ vững ổn định kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang.

Trong đó, huyện Giồng Riềng là huyện vùng nông thôn của tỉnh Kiên Giang, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và là một trong những địa phương có diện tích sản xuất lúa lớn của tỉnh Kiên Giang. Những năm qua, kinh tế - xã hội của huyện có nhiều phát triển, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn diễn ra mạnh mẽ. Phát huy phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi do UBND tỉnh chỉ thị huyện đã và đang tiếp tục tuyên truyền, hỗ trợ và vận động hội viên nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi cho đến nay, việc sử dụng các nguồn lực được tận dụng và phát huy, các chính sách người nghèo vay vốn được quan tâm, các hoạt động hỗ trợ giống, khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh cơ sở hạ tầng nông thôn ngày càng hoàn thiện... Tuy nhiên, số hộ giàu chưa nhiều, số hộ nghèo vẫn chiếm tỷ lệ cao, cơ cấu kinh tế còn mang tính thuần nông, người nông dân vẫn duy trì truyền thống sản xuất, năng suất của cây trồng, vật nuôi nhìn chung còn thấp, trình độ quản lý ở nhiều hộ còn yếu kém. Xuất phát từ thực tiễn trên, để tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng” trong tổ chức Hội Nông dân, đồng thời để thực hiện tốt công cuộc xây dựng nông thôn mới mà Hội nghị lần VII Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã đề ra. Đối tượng nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi bao gồm những nông dân gương mẫu, năng động, sáng tạo và mạnh dạn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao được đánh giá theo tiêu chuẩn ở từng

cấp gồm cấp xã, huyện, tỉnh và Trung ương. Vì thế, nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu sự khác nhau giữa nhóm nông dân đạt danh hiệu và không đạt danh hiệu về các yếu tố như trình độ học vấn, thu nhập, độ tuổi, diện tích đất sản xuất và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến đạt danh hiệu của nông dân trong phong trào. Từ đó, tìm ra các giải pháp đề phong trào hoạt động có hiệu quả và nâng cao chất lượng phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang, Báo cáo tổng kết phong trào của UBND huyện Giồng Riềng, Niên giám thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2013, 2015.

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện trong 3 xã của huyện Giồng Riềng, trong đó bao gồm xã Ngọc Chúc đại diện cho địa phương có ít nông dân tham gia phong trào (50 hộ đạt danh hiệu và 50 hộ không đạt danh hiệu trong phong trào), xã Hòa Lợi đại diện cho địa phương có nông dân tham gia vào phong trào tương đối cao (50 hộ đạt danh hiệu và 50 hộ không đạt danh hiệu trong phong trào), xã Vĩnh Thạnh đại diện địa phương có đông đảo nông dân tham gia phong trào (50 hộ đạt danh hiệu và 50 hộ không đạt danh hiệu trong phong trào) với tổng số mẫu điều tra là 300 mẫu.

2.2 Phương pháp phân tích số liệu

Các dữ liệu được xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS 16.0 và tổng hợp phân tích dựa trên các phương pháp thống kê mô tả. Kiểm định T - Test (Independent-Sample T-Test) ở mức ý nghĩa 5% để so sánh thu nhập, diện tích đất sản xuất, lợi nhuận, độ tuổi trung bình giữa nhóm nông dân đạt danh hiệu và không đạt danh hiệu. Phương pháp phân tích hồi quy tương quan (Binary Logistic) được sử dụng để xác định các yếu tố tác động đến đạt danh hiệu của nông dân trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi. Các biến được đưa vào mô hình hồi qui là lựa chọn ngẫu nhiên dựa trên kết quả phỏng vấn nông dân, tham vấn lãnh đạo địa phương và cán bộ Hội Nông dân.

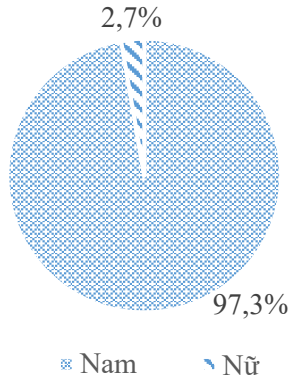
3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đặc điểm mẫu điều tra

3.1.1 Giới tính đối tượng được phỏng vấn

Kết quả thống kê được thể hiện trên Hình 1 cho thấy, trong 300 mẫu phỏng vấn nam giới có 292 người (chiếm tỷ lệ 97,3%), nữ giới chiếm tỷ lệ rất thấp 2,7%. Kết quả nghiên cứu này đã phản ánh

phần nào tập quán sản xuất nông nghiệp truyền thống ở hộ gia đình nông thôn, nam giới thường tham gia vào các công việc đồng ruộng nhiều hơn nữ, họ am hiểu các công việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhiều hơn trong khi đó nữ thường đảm nhận các công việc như chăn nuôi nhỏ lẻ trong nông hộ, tham gia vào các công việc nội trợ của gia đình (Trương Thị Ngọc Chi, 2012).



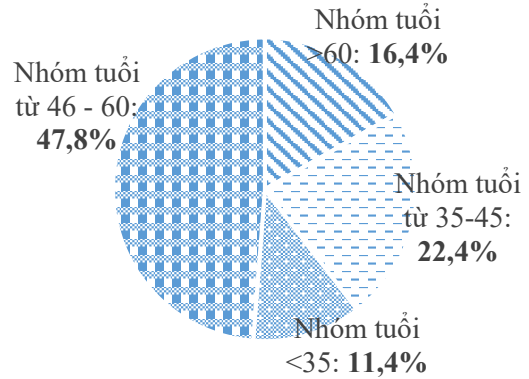
Hình 1: Giới tính đối tượng phỏng vấn

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

3.1.2 Tuổi đối tượng phỏng vấn

Trong phạm vi phân tích này, độ tuổi nông dân được chia ra thành 4 nhóm tuổi khác nhau: nhóm 1 gồm những nông dân có độ tuổi nhỏ hơn 35 chiếm tỷ lệ 11,4%, nhóm 2 gồm những nông dân có độ tuổi từ 35 đến 45 tuổi chiếm tỷ lệ 24,4%, kế tiếp là nhóm 3 bao gồm những nông dân có độ tuổi từ 46 đến 60 tuổi chiếm tỷ lệ 47,8%, đây là nhóm tuổi nông dân chiếm tỷ lệ cao nhất và nhóm 4 bao gồm những nông dân có tuổi lớn hơn 60 tuổi chiếm tỷ lệ 16,4% (Hình 2). Kết quả nghiên cứu cũng cho

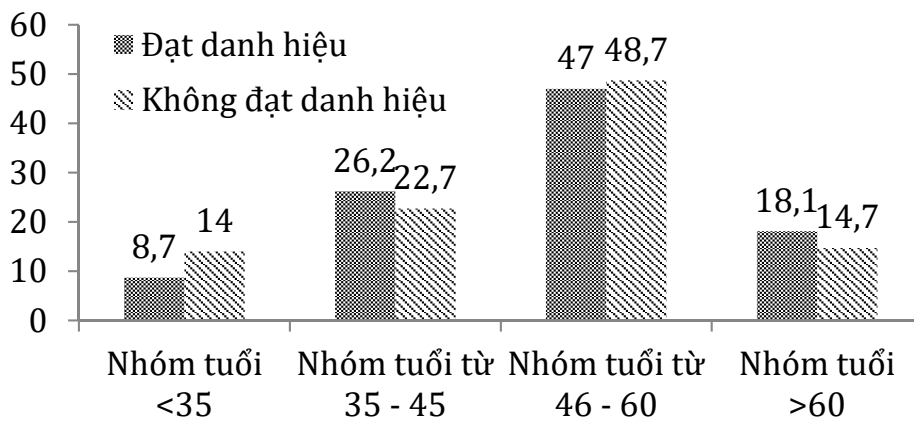
thấy, nông dân tham gia sản xuất nông nghiệp tại địa phương có độ tuổi tập trung ở nhóm 3 (từ 46 - 60), đây là nhóm nông dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và họ thường là lực lượng đóng vai trò quan trọng trong tổ chức Hội Nông dân, các tổ chức đoàn thể khác tại địa phương.



Hình 2: Độ tuổi nông dân được phỏng vấn

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

Kết quả (Hình 3) so sánh nhóm tuổi giữa những nông dân đạt danh hiệu thi đua sản xuất kinh doanh giỏi với nhóm nông dân không đạt danh hiệu cho thấy độ tuổi ở cả hai nhóm đạt danh hiệu và không đạt danh hiệu có xu hướng tăng từ nhóm 1 đến nhóm 3 và bắt đầu giảm xuống ở nhóm 4. Trong đó, nhóm nông dân đạt danh hiệu chiếm tỷ lệ cao nhất ở độ tuổi 46 đến 60 tuổi (chiếm tỷ lệ 47%) và thấp nhất ở độ tuổi dưới 35 tuổi (chiếm 8,7%). Đối với nhóm tuổi từ 35-45 tuổi, nông dân đạt danh hiệu chiếm tỷ lệ cao hơn so với nông dân không đạt danh hiệu lần lượt là 26,2% và 22,7%.



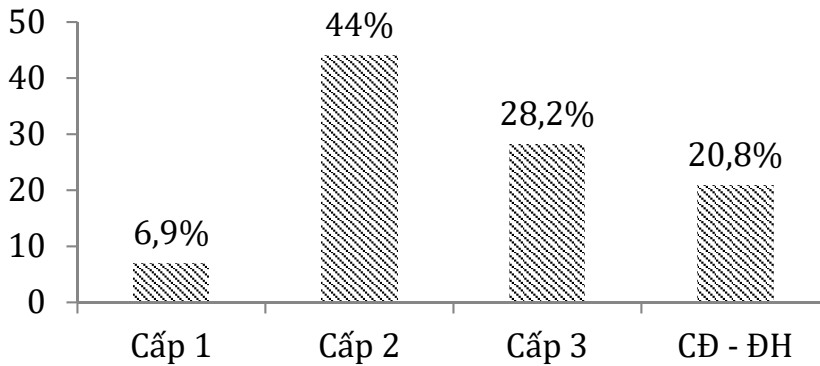
Hình 3: Tuổi nông dân giữa 2 nhóm đạt danh hiệu và không đạt danh hiệu

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

3.1.3 Trình độ học vấn của đối tượng phỏng vấn

Kết quả phân tích (Hình 4) cho thấy, tất cả nông dân được phỏng vấn đều biết chữ. Số nông dân có trình độ cấp 1 (từ lớp 1 đến lớp 5) chiếm tỷ lệ thấp nhất là 6,9%. Số nông dân ở trình độ cấp 2 (từ lớp 6 đến lớp 9) chiếm tỷ lệ 44%, đây là nhóm nông dân có trình độ học vấn chiếm tỷ lệ cao nhất. Nhóm nông dân có trình độ đại học, cao đẳng chiếm tỷ lệ 20,8%. Bên cạnh đó, nông dân có trình độ học vấn cấp 3 (từ lớp 10 đến lớp 12) chiếm tỷ lệ

trương đối cao 28,2%. Theo kết quả nghiên cứu của Trương Thị Ngọc Chi và ctv. (2012) lao động trong nhóm nông nghiệp có trình độ học vấn cấp 1 và cấp 2 sẽ thuận lợi cho các chương trình tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp. Vì vậy, trình độ học vấn của đối tượng phỏng vấn trong kết quả nghiên cứu này cũng rất dễ dàng tiếp thu những kiến thức cơ bản, những kỹ thuật tiên bộ được hướng dẫn từ các cấp khuyến nông ở địa phương.

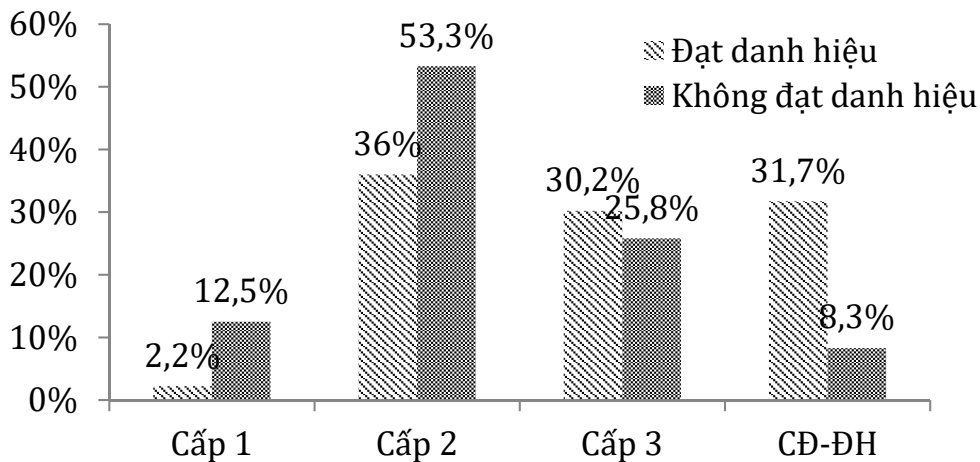


Hình 4: Trình độ học vấn của đối tượng phỏng vấn

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

Hình 5 là kết quả so sánh trình độ học vấn giữa nhóm nông dân đạt danh hiệu nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi với nhóm nông dân không đạt danh hiệu, kết quả nghiên cứu cho thấy có sự chênh lệch lớn giữa 2 nhóm đối tượng, ở trình độ học vấn cấp 2, nông dân đạt danh hiệu chiếm tỷ lệ 36% trong khi đó nhóm nông dân không đạt danh hiệu chiếm tỷ lệ 53,3%. Tương tự như vậy, nhóm nông dân đạt danh hiệu có trình độ học vấn cấp 3 chiếm tỷ lệ 30,2%, so với nhóm nông dân chưa đạt danh hiệu có tỷ lệ 25,8%. Tuy nhiên, đối với trình

độ Cao đẳng – Đại học, nhóm nông dân đạt danh hiệu chiếm tỷ lệ cao hơn so với nhóm nông dân không đạt danh hiệu (31,7% - nông dân đạt danh hiệu so với 8,3% - nông dân không đạt danh hiệu). Từ kết quả cho thấy rằng trình độ học vấn của nông dân càng cao, họ càng dễ ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào trong hoạt động sản xuất, góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, từ đó giúp nông dân dễ dàng đạt được danh hiệu nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi.



Hình 5: Trình độ học vấn giữa nông dân đạt danh hiệu và nông dân không đạt danh hiệu

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

3.1.4 *Thực trạng tham gia Hội Nông dân của các thành viên trong nông hộ*

Kết quả nghiên cứu thể hiện trên Bảng 1 cho thấy số lượng thành viên trong nông hộ tham gia vào tổ chức Hội Nông dân tại địa phương: hộ gia đình có 1 thành viên tham gia vào Hội Nông dân chiếm tỷ lệ cao nhất (97,3%), kế đến là gia đình có 2 thành viên (chiếm tỷ lệ 2%) và thấp nhất là gia đình có 4 thành viên tham gia vào Hội (chiếm tỷ lệ 0,7%). Nhìn chung, tất cả các hộ nông dân đều có thành viên tham gia Hội nông dân trong phạm vi nghiên cứu này.

Bảng 1: Số thành viên trong nông hộ tham gia Hội Nông dân

Số thành viên	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	292	97,3
2	6	2
4	2	0,7
Tổng	300	100

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

3.1.5 *Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ tại nông hộ*

Trên địa bàn nghiên cứu, nông hộ chỉ thực hiện các hoạt động sản xuất nông nghiệp là chính để tạo nguồn thu nhập trong nông hộ. Các hoạt động sản xuất nông nghiệp bao gồm sản xuất lúa (chiếm tỷ lệ 97%), đây là hoạt động sản xuất chủ yếu và sản xuất hoa màu chiếm một phần rất nhỏ (chiếm tỷ lệ 3%) (Bảng 2). Kết quả này cũng phản ánh được hoạt động tạo ra nguồn thu nhập trong nông hộ còn nhiều hạn chế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và cây lúa còn chiếm thế độc canh trên địa bàn nghiên cứu. Theo kết quả nghiên cứu của Phạm Ngọc Nhân và Lê Trần Thanh Liêm (2015) cho thấy chỉ có hoạt động sản xuất nông nghiệp đối với các nông hộ có diện tích nhỏ lẻ cho mức thu nhập thấp (5-10 triệu đồng/năm), trong khi đối với các hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề khác như buôn bán, làm thuê phi nông nghiệp và công nhân/công

nhân viên chức thì mức thu nhập tối thiểu từ 15-20 triệu đồng/năm.

Bảng 2: Nguồn thu nhập chính của nông hộ

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Nguồn thu	Lúa	291	97
	Hoa màu	9	3

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

3.1.6 *Nguồn thu nhập giữa hộ nông dân đạt danh hiệu và không đạt danh hiệu*

Kết quả kiểm định T-Test so sánh thu nhập giữa nhóm nông dân đạt danh hiệu nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi với nhóm nông dân không đạt danh hiệu cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (Hệ số Sig. = 0,000 < 0,05). Sự chênh lệch mức thu nhập trung bình giữa hai nhóm với nhau là rất cao (gần 2 lần), trung bình nhóm nông dân đạt danh hiệu nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi có mức thu nhập trung bình là 236,8 triệu đồng/năm, trong khi đó nhóm nông dân không đạt danh hiệu chỉ có mức thu nhập trung bình là 121,8 triệu đồng/năm. Qua kết quả nghiên cứu trên ta thấy, nông dân đạt danh hiệu các hoạt động sản xuất rất hiệu quả nên cho mức thu nhập trung bình rất cao. Còn nông dân không đạt danh hiệu có mức thu nhập trung bình thấp hơn rất nhiều do các hoạt động sản xuất kém hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, so sánh lợi nhuận giữa hai nhóm nông dân cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\alpha < 5\%$), cụ thể lợi nhuận trong sản xuất của nhóm nông dân đạt danh hiệu là 151 triệu đồng/năm, trong khi đó nhóm nông dân chưa đạt danh hiệu chỉ có lợi nhuận 59,2 triệu đồng/năm. Trung bình diện tích đất sản xuất của nhóm nông dân đạt danh hiệu cao hơn so với nhóm nông dân chưa đạt danh hiệu lần lượt là 2,4 ha và 1,2 ha, kết quả phân tích cũng cho thấy có sự khác biệt về diện tích đất sản xuất của hai nhóm này. Kết quả kiểm định về độ tuổi và số thành viên trong nông hộ giữa hai nhóm nông dân cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%.

Bảng 3: Kết quả so sánh sự khác biệt giữa nhóm nông dân đạt danh hiệu và chưa đạt danh hiệu

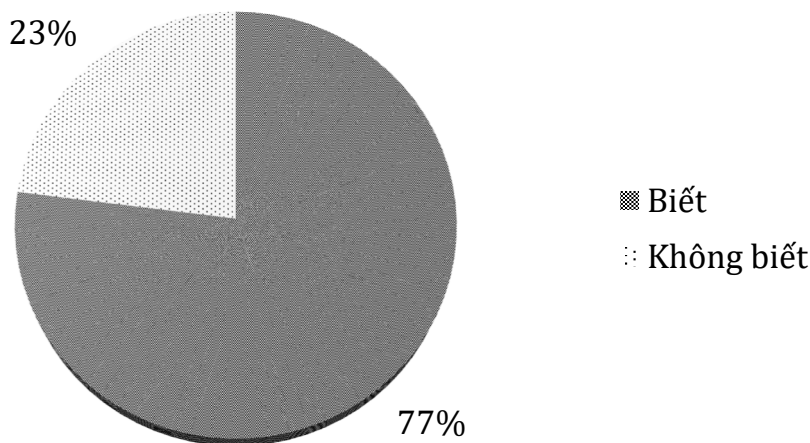
	Nông dân đạt danh hiệu (n=150)	Nông dân chưa đạt danh hiệu (n=150)	Giá trị F	Sig.
Tuổi của nông dân (năm)	49,9	49,1	0,436	0,510
Số thành viên trong gia đình tham gia vào phong trào (người)	4,26	4,27	0,606	0,437
Thu nhập của nông hộ (tr đồng/năm)	236,8	121,8	16,497	0,000
Lợi nhuận trong SX (tr đồng/năm)	151	59,2	6,443	0,012
Diện tích đất SX (ha)	2,4	1,2	11,133	0,001

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

3.1.7 Sự hiểu biết của nông dân về phong trào

Kết quả phỏng vấn về sự hiểu biết của nông dân đối với phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi cho thấy có đến 77% nông dân trả lời có biết về phong trào thi đua này được phát động trong nông dân. Tuy nhiên, vẫn còn 23%

nông dân trả lời họ chưa biết về phong trào này (Hình 6). Kết quả nghiên cứu này cho thấy đã có sự hạn chế trong công tác tuyên truyền, phát động của các cấp Hội Nông dân tại địa phương, phong trào vẫn chưa tuyên truyền rộng rãi đến được hết nông dân nên phần nào đó đã ảnh hưởng đến chất lượng của phong trào.



Hình 6: Sự hiểu biết của nông dân về phong trào

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến danh hiệu của nông dân trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi

3.2.1 Giải thích mô hình Binary Logistic

Trong phạm vi nghiên cứu này, mô hình hồi qui phi tuyến tính Binary Logistic được sử dụng để xác định mức độ tác động của các yếu tố X_i tới xác suất xuất hiện hiện tượng I khi X_i đã xảy ra. Mô hình hồi qui Binary Logistic là một trong những mô hình dùng để ước lượng mô hình có biến phụ thuộc dạng nhị phân được nghiên cứu bởi nhà thống kê David R. Cox. Trong hồi qui Logistic, các đối tượng nghiên cứu được thể hiện qua biến số nhị phân, còn các yếu tố độc lập có thể được thể hiện qua biến số liên tục hoặc biến nhị phân hoặc các biến thứ bậc, nghịch đảo của hàm phân phối xác suất chuẩn hóa là sự kết hợp tuyến tính của các biến giải thích. Trong mô hình nghiên cứu này, hàm Logistic bao gồm về trái là biến phụ thuộc có 2 giá trị: 0 (nông hộ không đạt danh hiệu) và 1 (nông hộ đạt danh hiệu).

Mô hình hồi qui được giả định như sau:

$$\ln\left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)}\right] = B_0 + B_1X_1 + B_2X_2 + B_3X_3$$

Ở mỗi biến sẽ giải thích cho sự ảnh hưởng đến đạt danh hiệu của nông dân trong mô hình hồi qui này. Do đây là nghiên cứu tương đối mới trong phong trào thi đua của Hội Nông dân, vì vậy các biến được giả định trong mô hình được lựa chọn hoàn toàn ngẫu nhiên từ quá trình phỏng vấn nông dân. Đây là một trong những giới hạn của kết quả nghiên cứu này.

Bảng 4: Mô tả biến được sử dụng trong mô hình

Tên Biến	Ý nghĩa/ cách tính	Dấu kỳ vọng
X_1	Trình độ học vấn (cấp)	+
X_2	Diện tích đất sản xuất (ha)	+
X_3	Hội viên nông dân (1 = hội viên nông dân, 2 = không là hội viên Hội Nông dân)	+

3.2.2 Giải thích kết quả phân tích hồi quy của mô hình

Để phân tích số liệu thu thập được, phần mềm thống kê SPSS đã được sử dụng. Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic đối với các biến độc lập được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5: Kết quả phân tích hồi qui của mô hình Logistic

Yếu tố	Hệ số B	S.E.	Wald	Sig.	e ^B
X ₁ Trình độ học vấn	0,489	0,154	10,103	0,001	0,613
X ₂ Diện tích đất sản xuất	0,516	0,125	17,089	0,000	0,597
X ₃ Hội viên Hội Nông dân	2,892	0,624	21,451	0,000	0,055
Hằng số	5,333	,800	44,463	0,000	206,962

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

Kết quả phân tích trên Bảng 5 cho thấy các biến số X₁; X₂; X₃ là các biến có ý nghĩa về mặt thống kê khi phân tích trong mô hình này.

Biến số trình độ học vấn (X₁) có giá trị Sig. = 0,001 (α<0,05), hệ số B = 0,489 cho thấy sự ảnh hưởng lớn của trình độ học vấn đến đạt danh hiệu của nông dân trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, kết quả có giá trị dương khẳng định rằng nếu trình độ học vấn càng cao thì khả năng đạt danh hiệu của nông dân càng cao. Bên cạnh đó, đối với nông dân có trình độ học vấn càng cao thì việc phát triển phong trào sẽ thuận lợi hơn, nông dân dễ dàng tiếp thu, áp dụng những tiến bộ khoa học mới thay đổi tư duy, cách làm, mạnh dạn chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, đầu tư đem lại hiệu quả kinh tế cao cho gia đình.

Biến số (X₂) là biến số độc lập về diện tích đất sản xuất có giá trị Sig. = 0,000 (α<0,05) và B = 0,516. Điều này cho thấy những hộ gia đình có quy mô lớn về mặt diện tích đất sản xuất thì khả năng đạt danh hiệu của họ càng cao. Do họ có điều kiện để mở rộng, đầu tư cho sản xuất nên mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với các hộ có điều kiện ít đất đai hơn. Đời sống của nông hộ này dần được cải thiện không chỉ vật chất mà còn cả tinh thần, vì vậy dễ dàng đạt danh hiệu trong phong trào cao hơn.

Bảng 6: Kết quả định tính chính xác của mô hình

Quan sát	Nông dân đạt hoặc không đạt danh hiệu		Mức độ chính xác của kết quả dự báo
	Đạt	Không đạt	
Nông dân đạt danh hiệu	Đạt 96	Không đạt 54	64%
Nông dân không đạt danh hiệu	Đạt 32	Không đạt 117	78,5%
Tỷ lệ dự chính xác dự báo chung của mô hình hồi quy tương quan Binary Logistic			71,2%

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 300 nông hộ tại huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang, 2015

Biến số hội viên Hội Nông dân (X₃) có giá trị Sig. = 0,000 (α<0,05), hệ số B = 2,892 cho thấy

được sự ảnh hưởng vô cùng lớn của Hội Nông dân. Nếu là hội viên của Hội Nông dân thì nông dân sẽ có khả năng đạt danh hiệu rất cao. Do Hội Nông dân là hội phát động phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, trong Hội Nông dân sẽ nắm rõ được về phong trào và được hướng dẫn dễ dàng đạt danh hiệu. Bên cạnh đó, Hội Nông dân là tổ chức hội có số lượng thành viên tham gia lớn trong các tổ chức đoàn thể tại địa phương với nhiều hoạt động hỗ trợ giúp nông dân thoát nghèo và vươn lên làm giàu, do đó nông dân trong hội sẽ có nhiều điều kiện tiếp xúc với những hỗ trợ để cải thiện đời sống gia đình.

Từ kết quả phân tích hồi qui, nghiên cứu xây dựng mô hình như sau:

$$\ln\left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)}\right] = 5,333 + 0,489X_1 + 0,516 X_2 + 2,892X_3$$

Mô hình hồi qui Binary Logistic mà nghiên cứu này sử dụng cho thấy chỉ số 2-log likelihood đạt tới giá trị 314,568, và đây là chỉ số thích hợp khẳng định tính chắc chắn của mô hình, Hệ số tương quan Cox & Snell R Square đạt 0,284, trong khi đó hệ số tương quan Nagelkerde R Square đạt giá trị 0,379, một lần nữa khẳng định rằng khoảng 37,9% giá trị của mô hình đã được giải thích từ hồi quy Logistic, và đây là một hệ số tương quan có thể chấp nhận được. Các kết quả kiểm định thống kê này cho thấy tính chắc chắn của mô hình hồi quy tương quan Logistic được sử dụng trong phân tích. Bảng 6 cho thấy tỷ lệ dự đoán của mô hình là khá cao, lên tới 71,2%, có thể giúp kết luận mô hình hồi quy tương quan Logistic sử dụng trong nghiên cứu là hoàn toàn hợp lý.

4 KẾT LUẬN

Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá thực trạng phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi trên địa bàn huyện Giồng Riềng. Để có cơ sở đánh giá thực trạng nêu trên, đề tài đã tiếp cận thông qua phương pháp tiếp cận có sự tham gia. Kết quả kiểm định T-test cho thấy có sự khác nhau có ý nghĩa thống kê (p<0,05) về thu nhập, lợi nhuận và diện tích đất sản xuất giữa 2 nhóm hộ nông dân đạt danh hiệu thi đua và nhóm hộ nông dân không đạt danh hiệu thi đua.

Kết quả phân tích phương trình hồi quy Banary Logistic tìm ra được 3 yếu tố (trình độ học vấn, diện tích, hội viên nông dân) ảnh hưởng đến việc đạt danh hiệu của nông dân trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi. Tỷ lệ dự đoán của mô hình là khá cao, lên tới 71,2%, có thể giúp kết luận mô hình hồi quy tương quan Logistic sử dụng trong nghiên cứu là hoàn toàn hợp lý.

Từ kết quả phân tích ở các nội dung trên đề tài đưa ra giải pháp để đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả của phong trào gồm nâng cao đổi mới công tác tuyên truyền về nội dung, hình thức và đối tượng tuyên truyền, nhằm tạo điều kiện cho phong trào hoạt động thực sự có ý nghĩa, lan rộng đến mọi nơi của vùng nông thôn. Tạo mọi điều kiện để nông dân có thể tham gia Hội Nông dân, tạo tiền đề cho nông dân dễ dàng đạt danh hiệu trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi.

5 LỜI CẢM ƠN

Tác giả chân thành gửi lời cảm ơn đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang, UBND huyện Giồng Riềng cùng các cán bộ ở huyện, xã trên địa bàn nghiên cứu đã tạo điều kiện cho nghiên cứu này thực hiện thành công.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Kim Sơn, 2006. Nông nghiệp nông thôn Việt Nam 20 năm đổi mới và phát triển. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Hội Nông dân Việt Nam, 2011. Quy định số 18-QĐ/HNDTW Quy định tiêu chuẩn hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp, giai đoạn 2011-2016. TW Hội Nông dân Việt Nam, Hà Nội.
- Phạm Ngọc Nhân và Lê Trần Thanh Liêm, 2015. Đánh giá nhu cầu học nghề và giải pháp đào tạo nghề của lao động nông thôn trên địa bàn huyện Phụng Hiệp – tỉnh Hậu Giang. Đề tài NCKH cấp cơ sở Trường Đại học Cần Thơ.
- Trương Thị Ngọc Chi và Dương Ngọc Thành, 2012. Đánh giá lực lượng lao động nông thôn và đề xuất các giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ. Đề tài NCKH cấp tỉnh, Cần Thơ.